



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG
Tầng 15, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội
Giấy phép thành lập và hoạt động số 49GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp
ngày 23/04/2008
Tel: 024.6276 5555 Fax: 024.6276 5556
Website: www.bhhk.com.vn

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2024

THÔNG BÁO MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NGÀY 06/09/2024

Kính gửi: Quý Cổ đông Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không

Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông tới tham dự họp Đại hội cổ đông bất thường ngày 06/09/2024 như sau:

1. Thời gian: 13h30, ngày 06 tháng 9 năm 2024.

2. Địa điểm: Hội trường tầng 4, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, thành phố Hà Nội.

3. Nội dung Đại hội:

- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ VNI;
- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị VNI;
- Thông qua việc miễn nhiệm, bầu thay thế thành viên HĐQT;
- Các vấn đề khác (nếu có).

4. Thành phần tham dự Đại hội: Các cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông vào ngày **12/08/2024** là thời điểm chốt Danh sách cổ đông dự họp theo Thông báo của HĐQT.

5. Ghi chú:

▪ Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

(1) Thư mời họp; (2) Giấy CMND/CCCD hoặc hộ chiếu; (3) Giấy ủy quyền (*nếu nhận ủy quyền tham dự Đại hội*).

▪ Các tài liệu của cuộc họp được đăng tải trên website: <https://bhhk.com.vn/dai-hoi-dong-co-dong.html>

▪ Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội hoặc các đóng góp ý kiến về cuộc họp trước 16 giờ ngày **04/9/2024** qua fax hoặc email.

▪ Mọi chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí khác do cổ đông tự trang trải.

Mọi thông tin xin liên hệ:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN

BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Người liên hệ: Bà Phạm Thu Lan

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu,
Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 6 276.5555 (Máy lẻ: 710)/0369479166

Fax: (024) 6 276 5556 ; Email: lanpt@bhhk.com.vn

Trân trọng thông báo!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Tuấn Dũng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Trụ sở chính: Tầng 15 tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NGÀY 06/09/2024 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Thời gian tổ chức: 13h30 Ngày 06 tháng 9 năm 2024

Địa điểm: Hội trường tầng 4, Tòa nhà GELEXIMCO, số 36 phố Hoàng Cầu, quận Đống Đa, TP Hà Nội.

Thời gian	Nội dung
13h00-13h30	Đón tiếp đại biểu, cổ đông, kiểm tra tư cách cổ đông, phát tài liệu
13h30-13h40	Ổn định tổ chức, khai mạc Đại hội
13h40-13h50	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội
13h50 -14h10	<ul style="list-style-type: none">– Thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu– Thông qua Chương trình nghị sự và Quy chế làm việc của Đại hội
14h10-14h25	Trình bày tờ trình: <ul style="list-style-type: none">– Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm hàng không.– Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm hàng không.
14h25-14h50	<ul style="list-style-type: none">– Đại hội tiến hành thảo luận các vấn đề.– Cổ đông bỏ Phiếu biểu quyết thông qua các vấn đề xin ý kiến
14h50-15h20	<ul style="list-style-type: none">– Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu thay thế Thành viên HĐQT– Thực hiện thủ tục bầu thành viên HĐQT
15h20-15h35	Nghỉ giải lao
15h35-15h45	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung và kết quả bầu thành viên HĐQT
15h45-16h20	<ul style="list-style-type: none">– Thông qua Nghị quyết và Biên bản của Đại hội.– Tuyên bố bế mạc Đại hội.



Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2024

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NGÀY 06/09/2024**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công cổ phần Bảo hiểm Hàng không.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

- Quy chế này sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 06/09/2024 của Tổng Công cổ phần Bảo hiểm Hàng không (sau đây gọi tắt là Tổng công ty).
- Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia cuộc họp, điều kiện, thể thức tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 06/09/2024 của Tổng công ty.

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 2. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông Tổng Công Cổ phần Bảo hiểm Hàng không tại thời điểm ngày 12/08/2024 (ngày đăng ký cuối cùng theo thông

báo của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam) hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội:

a) Cổ đông hoặc người, tổ chức được ủy quyền (sau đây gọi tắt là người được ủy quyền) đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Giấy tờ pháp lý của cổ đông, người được ủy quyền;
- Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự cuộc họp).

b) Đăng ký tham dự họp: Cổ đông hoặc người được ủy quyền xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp và nhận tài liệu Đại hội, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết.

c) Được ủy quyền bằng văn bản cho người, tổ chức khác nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham dự phiên họp không được ủy quyền cho người, tổ chức khác tham dự phiên họp.

d) Cổ đông tham dự phiên họp khi muốn có ý kiến thảo luận phải ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi đã được phát kèm cùng các tài liệu của Đại hội và chuyển cho Ban thư ký.

e) Tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công Cổ phần Bảo hiểm Hàng không.

f) Các cổ đông, người được ủy quyền khi tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

g) Trong thời gian tiến hành cuộc họp, các cổ đông, người được ủy quyền phải tuân theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

h) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

Điều 3. Đoàn chủ tịch

1. Đoàn chủ tịch do Đại hội đồng cổ đông bầu; Chủ tịch đoàn là Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

2. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch:

a) Điều hành các hoạt động của cuộc họp theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự; đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

b) Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.

c) Trình hoặc ủy quyền cho người khác trình dự thảo về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

d) Trả lời những vấn đề do cổ đông yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 4. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự họp

Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông do Tổng Công Cổ phần Bảo hiểm Hàng không quyết định thành lập. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với Danh sách cổ đông có quyền dự họp; Phát tài liệu đại hội và Thẻ biểu quyết; Báo cáo trước cuộc họp và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp trước khi cuộc họp chính thức được tiến hành.

Điều 5. Ban thư ký Đại hội

1. Ban thư ký đại hội gồm 02 người do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn và thông qua tại Đại hội.

2. Ban thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

a) Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội.

b) Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo Biên bản của Đại hội và thông báo của Đoàn chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

c) Tiếp nhận phiếu hỏi ý kiến của cổ đông.

Điều 6. Ban Kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu gồm 05 người do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn và thông qua tại Đại hội.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a) Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự họp;

b) Chuẩn bị hòm phiếu, hướng dẫn ghi phiếu;

c) Tiến hành thu phiếu, kiểm phiếu và báo cáo kết quả trước Đại hội.

d) Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban thư ký;

CHƯƠNG III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7. Điều kiện tiến hành phiên họp

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 8. Biểu quyết tại phiên họp

1. Nguyên tắc biểu quyết:

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các cổ đông bằng Thẻ biểu quyết.

Việc bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo Quy chế bầu cử Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Mỗi cổ đông được cấp 01 Thẻ Biểu quyết và 02 Phiếu biểu quyết trong đó ghi tên cổ đông/đại diện được ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu, ủy quyền và đại diện), số phiếu biểu quyết của cổ đông và có đóng dấu của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không ở góc trái phía trên. Trong mỗi phiếu biểu quyết sẽ ghi các nội dung cần biểu quyết.

2. Thẻ lệ biểu quyết:

a) **Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết:** Được thực hiện đối với các nội dung: Thông qua chương trình họp; Thông qua quy chế làm việc của Đại hội; Thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT; Thông qua nhân sự Đoàn chủ tịch, Ban kiểm phiếu; Thông qua Biên bản đại hội; Danh sách ứng viên tham gia vào HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 và các vấn đề khác được Chủ tọa đề nghị. Các cổ đông tham dự Đại hội biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết (khi được Chủ tọa hỏi ý kiến: tán thành, không tán thành, không có ý kiến).

b) **Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết:** Phiếu biểu quyết được sử dụng khi các cổ đông biểu quyết thông qua các Báo cáo, tờ trình tại Đại hội ngoài các nội dung đã được Đại hội biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết. Cổ đông thực hiện biểu quyết như sau:

– Cổ đông hoặc Người đại diện được ủy quyền thực hiện việc biểu quyết để **tán thành**, hoặc **không tán thành**, hoặc **không có ý kiến** một vấn đề bằng cách đánh dấu “X” vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết theo trình tự: “Tán thành”, “Không tán thành” và “Không có ý kiến”. Sau khi biểu quyết hết các nội dung, cổ đông hoặc

người đại diện được ủy quyền biểu quyết ký tên vào Phiếu biểu quyết và bỏ vào thùng phiếu, Ban kiểm phiếu thu hồi Phiếu biểu quyết của cổ đông để thống kê kết quả.

c) Trường hợp thay đổi ý kiến, cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền ký bên cạnh ô lấy ý kiến lựa chọn cuối cùng để tránh giả mạo.

d) Thẻ biểu quyết không hợp lệ là các thẻ:

– Thẻ biểu quyết không do Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không phát hành và không có dấu của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không.

– Thẻ biểu quyết không ghi đầy đủ các nội dung như: Mã số cổ đông; Tên cổ đông/đại diện cổ đông; Tổng số cổ phần được quyền biểu quyết; Tổng số cổ phần sở hữu/đại diện; Tổng số cổ phần nhận ủy quyền.

e) Phiếu biểu quyết không hợp lệ là các phiếu:

– Phiếu biểu quyết không do Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không phát hành và không có dấu của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không.

– Phiếu để trống mọi ô vuông lấy ý kiến.

– Phiếu sửa chữa, gạch xóa, ghi thêm ngoài nội dung đã in sẵn.

– Phiếu điền vào nhiều hơn một ô vuông lấy ý kiến mà không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền bên cạnh ô vuông được đánh dấu.

– Phiếu không có chữ ký của Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền.

f) Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một phiếu biểu quyết.

3. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 9. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông


1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong chương trình Đại hội được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên từ 51% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự (trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền) và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại Tổng Công ty.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Quy chế này gồm có 4 Chương, 10 Điều được thông qua tại Đại hội Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 06/09/2024 là cơ sở để Đại hội đồng cổ đông tiến hành Đại hội. 

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Tuấn Dũng



Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2024

QUY CHẾ BẦU CỬ

**Thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày
06/9/2024 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không;

Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 06/9/2024 của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là Đại Hội) biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028 như sau:

I/- ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 1. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và không thuộc các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

b) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ trong 03 năm liên tục trước thời điểm được bổ nhiệm; không bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định của pháp luật tại thời điểm được bầu, bổ nhiệm.

c) Có bằng đại học trở lên;

d) có ít nhất 03 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc có ít nhất 03 năm giữ vị trí là người quản lý, điều hành, kiểm soát tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng.

e) không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm khác hoạt động trong cùng lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe hoặc tái bảo hiểm tại Việt Nam

Điều 2. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tám (08) ứng viên.

2. Trình tự, thủ tục ứng cử, đề cử theo Điều lệ Tổng Công ty và quy định pháp luật.

Điều 3. Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

- Đơn ứng cử hoặc đề cử ứng viên (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu);
- Bản sao chứng thực CMND và các bằng cấp, văn bản, chứng chỉ chứng nhận trình độ chuyên môn;

Điều 4. Lựa chọn và công khai ứng cử viên:

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội trên Website của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty nếu được bầu.

2. Trên cơ sở các Hồ sơ ứng cử, đề cử của các cổ đông/nhóm cổ đông, Đoàn Chủ tịch Đại hội lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định trên trình Đại hội bầu thành viên Hội đồng quản trị.

II- BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

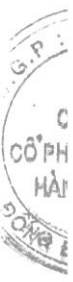
Điều 5. Đối tượng tham gia bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp có quyền bầu cử thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 6. Phương thức bầu cử và người trúng cử

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó:

- Mỗi cổ đông, người đại diện có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị.
- Cổ đông, người đại diện có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên trong danh sách đã được Đại hội biểu quyết thông qua, nhưng không vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông, người đại diện đó nắm giữ.



- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị là người có số phiếu bầu cao nhất. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu cao nhất như nhau thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên đó để chọn người có phiếu bầu cao hơn trúng cử.

Điều 7. Phiếu bầu

- Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị in thống nhất: Sắp xếp ứng cử viên theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên ứng cử viên; ghi rõ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, phiếu bầu của cổ đông, đại diện theo ủy quyền theo mã số tham dự họp.

- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị theo mã số tham dự họp.

- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu và Bầu cử đổi phiếu bầu khác.

- Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền phải tự mình ghi số phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu, ký và ghi rõ họ tên.

Điều 8. Ban kiểm phiếu

*** Ban kiểm phiếu**

- Ban kiểm phiếu do Đoàn Chủ tịch đề cử (thành viên không được là người trong danh sách đề cử, ứng cử Hội đồng quản trị) và được Đại hội biểu quyết thông qua;

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm:

+ Hướng dẫn thể lệ bầu cử theo Quy chế bầu cử được Đại hội thông qua.

+ Phát và thu phiếu bầu.

+ Tiến hành kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu.

+ Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

*** Bỏ phiếu và kiểm phiếu**

- Ban kiểm phiếu kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi hoàn tất việc phát phiếu bầu cử, kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc. Phiếu bầu không hợp lệ, gồm:

+ Phiếu không do Ban tổ chức Đại hội phát ra, không có dấu của Tổng Công ty;

+ Phiếu gạch xoá, sửa chữa mà không có chữ ký nháy của cổ đông bên cạnh; hoặc phiếu ghi thêm ứng cử viên ngoài danh sách ứng cử viên đã được Đại hội biểu quyết thông qua;

+ Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông hoặc người đại diện đó nắm giữ;

+ Phiếu không ký và ghi họ tên cổ đông vào phiếu bầu.

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu và Bầu cử công bố trước Đại hội;

- Các phiếu bầu sau khi đã kiểm được lưu giữ tại trụ sở Tổng Công ty.

Điều 9. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu và Bầu cử phải lập Biên bản kiểm phiếu.

- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 10. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại

Những khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu sẽ do Đoàn Chủ tịch Đại hội giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Quy chế này gồm 04 trang, 10 điều, có hiệu lực ngay khi Đại hội thông qua, là cơ sở để Đại hội bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lê Tuấn Dũng



Số 02 /TB-HĐQT

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2024

THÔNG BÁO

*về việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị
Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không nhiệm kỳ 2023-2028*

Kính gửi: Quý cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ vào Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không đã được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua ngày 25/4/2024;

- Đơn xin từ nhiệm của các thành viên HĐQT;

- Nhằm kiện toàn nhân sự HĐQT.

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (VNI) trân trọng thông báo đến Quý cổ đông về đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị VNI tiếp tục nhiệm kỳ 2023-2028 như sau:

I. Quy định về đề cử/ứng cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

1. Số lượng bầu bổ sung: 01 thành viên

2. Nhiệm kỳ: 2023-2028

3. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị

a) Đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và không thuộc các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

b) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ trong 03 năm liên tục trước thời điểm được bổ nhiệm; không bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định của pháp luật tại thời điểm được bầu, bổ nhiệm.

c) Có bằng đại học trở lên;

d) có ít nhất 03 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc có ít nhất 03 năm giữ vị trí là người quản lý, điều hành, kiểm soát tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng.

e) không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm khác hoạt động

trong cùng lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe hoặc tái bảo hiểm tại Việt Nam

4. Điều kiện đề cử/ứng cử thành viên HĐQT

4.1. Đề cử thành viên HĐQT

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% trở lên được đề cử tám (08) ứng viên.

4.2. Ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Người ứng cử thành viên Hội đồng quản trị phải thỏa mãn tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại mục 3 của Thông báo này.

II. Thủ tục đề cử, ứng cử

1. Thời gian gửi Hồ sơ ứng cử, đề cử

Thời điểm chốt danh sách các hồ sơ tự ứng/đề cử vào HĐQT chậm nhất trước **17h00, ngày 04/9/2024, và gửi 02 (hai)** bộ hồ sơ theo địa chỉ sau:

Ban TKPC&KSNB - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (VNI)

Địa chỉ: Tầng 15 – Toà nhà Geleximco - 36 Hoàng Cầu - Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024 6276 5555 Fax: 024.6276 5556

Ngoài phong bì hồ sơ cần ghi rõ “Hồ sơ đề cử/ứng cử vào HĐQT”

2. Hồ sơ ứng cử, đề cử

- Đơn ứng cử hoặc đề cử ứng viên (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu);

- Bản sao chứng thực CCCD/Hộ chiếu và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ chuyên môn;

- Văn bản thỏa thuận thành lập nhóm cổ đông đề cử thành viên HĐQT (nếu cổ đông thành lập nhóm cổ đông đề cử, ứng cử)

Chỉ những hồ sơ đề cử/ứng cử đáp ứng đầy đủ các điều kiện đề cử/ứng cử và những ứng viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT mới được đưa vào danh sách ứng viên chính thức trình tại Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty để tiến hành bầu cử.

Sau thời hạn chốt danh sách hồ sơ nêu trên, cổ đông không đề cử đủ số lượng hoặc ứng viên không đảm bảo đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định thì HĐQT đương nhiệm theo thẩm quyền sẽ đề cử ứng viên theo Điều lệ VNI.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VT; TKPC.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Tuấn Dũng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

**ĐƠN ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG (VNI)
NHIỆM KỲ 2023-2028**

Kính gửi: Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không

Hôm nay, ngày....., tại....., chúng tôi là những cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (VNI), cùng nhau nắm giữ.....cổ phần phổ thông đến ngày chốt danh sách cổ đông dự họp (29/3/2024), chiếm tỷ lệ.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của VNI, có tên trong Danh sách dưới đây gồm:

TT	Cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Ký tên/đóng dấu
1					
2					
3					
4					
	TỔNG CỘNG			

Sau khi nghiên cứu các quy định về quyền của cổ đông và các tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028, chúng tôi cùng nhất trí đề cử ứng cử viên tham gia ứng cử để bầu vào Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không nhiệm kỳ 2023-2028, cụ thể như sau:

TT	Họ tên ứng cử viên	Số CMND, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ thường trú	Trình độ học vấn, chuyên ngành
1				
2				

Đề nghị HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không ghi nhận danh sách ứng cử viên tham gia Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023-2024 của nhóm cổ đông nêu trên.

Chúng tôi xin đính kèm Sơ yếu lý lịch của các ứng cử viên theo đơn này và cam kết các ứng viên nêu trên đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo luật định.

CỔ ĐÔNG/NHÓM CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ/ỨNG CỬ

Lưu ý: Đối với nhóm cổ đông thì đề nghị ghi đầy đủ họ tên và chữ ký của từng Cổ đông:

- Nếu là cổ đông cá nhân đề nghị ghi rõ họ tên.

- Nếu là cổ đông pháp nhân đề nghị ghi rõ họ tên, chức vụ của người đại diện và đóng dấu.

Ảnh
(4x6)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA BẦU CỬ VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 2023 – 2028 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

1. Họ và tên: Giới tính: Nam/Nữ
2. Ngày tháng năm sinh: Nơi sinh:
3. Quốc tịch:
4. CCCD/Hộ chiếu số: Cấp ngày: Nơi cấp:
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
6. Chỗ ở hiện tại:
7. Trình độ học vấn:
8. Trình độ chuyên môn:
9. Số cổ phần sở hữu tại VNI:
10. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn, chứng chỉ:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo

11. Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ

12. Các chức vụ hiện đang đảm nhiệm (Thành viên HĐQT, BKS)

Nơi làm việc	Chức vụ	Thời gian đảm nhiệm
		Từ/...../..... đến/...../.....
		Từ/...../..... đến/...../.....
		Từ/...../..... đến/...../.....
		Từ/...../..... đến/...../.....

13. Quan hệ thân nhân

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Đơn vị công tác (nếu có)
Bố					
Mẹ					
Anh chị/em ruột					
Vợ/chồng					
Con					

Tôi xin cam đoan về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung trên.

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
(Chính quyền địa phương hoặc cơ quan nơi công tác)

....., ngày tháng năm 2024

NGƯỜI KHAI
(Ký và ghi rõ họ tên)





ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NGÀY 06/9/2024
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

THẺ BIỂU QUYẾT

Mã số: «HMA_SO»

TÊN CỔ ĐÔNG/ĐD CỔ ĐÔNG: «HTEN»

«HCO_PHAN» CP

Trong đó:

Số cổ phần sở hữu/đại diện: «HCO_PHAN» Cổ phần

Số cổ phần nhận ủy quyền: «HCO_PHAN» Cổ phần

*Thẻ biểu quyết này chỉ có giá trị trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
ngày 06/9/2024*



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NGÀY 06/9/2024
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

PHIẾU BIỂU QUYẾT

(Dùng cho Cổ đông/đại diện cổ đông có mặt trực tiếp
Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông)

Mã số cổ đông: «HMA_SO»
Tên cổ đông: «HTEN»
Số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu: «HCO_PHAN»
Số cổ phần nhận ủy quyền: «HCO_PHAN»
Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: «HCO_PHAN»

Biểu quyết các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 06/9/2024 của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (VNI) như sau:

CÁC NỘI DUNG CẦN BIỂU QUYẾT

STT	Nội dung biểu quyết	Đồng ý	Không đồng ý	Ý kiến khác
1	Thông qua việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không			
2	Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không			

Lưu ý:

- Cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu (X) vào 1 trong 3 ô biểu quyết “Đồng ý”, “Không đồng ý” và “Ý kiến khác”.
- Phiếu hợp lệ là phiếu có trả lời cụ thể theo các lựa chọn trên.
- Phiếu không hợp lệ là:
 - + Thẻ Biểu Quyết không phải do Ban Tổ chức phát hành;
 - + Thẻ Biểu Quyết không có dấu đỏ của Tổng công ty;
 - + Thẻ Biểu Quyết không điền ô nào hoặc điền từ 2 ô trở lên cho mỗi một nội dung cần biểu Quyết;
 - + Thẻ Biểu Quyết bị tẩy xóa, sửa chữa, ghi thêm ngoài nội dung đã in sẵn;
 - + Thẻ Biểu Quyết rách rời không còn nguyên vẹn, không có chữ ký xác nhận.

Hà Nội, Ngày 06 tháng 9 năm 2024
Cổ đông/Người nhận ủy quyền
(ký và ghi rõ họ tên)



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NGÀY 06/9/2024

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

PHIẾU BẦU

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thông tin cổ đông tham gia bầu cử

TÊN CỔ ĐÔNG: _____

MÃ SỐ CỔ ĐÔNG: _____

TỔNG SỐ CỔ PHẦN (*)=(1)+(2): _____

Trong đó:

Số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu (1): _____

Số cổ phần nhận ủy quyền (2): _____

TỔNG SỐ PHIẾU BẦU= (*) x 1 =: _____

2. Phần bầu cử:

STT	Họ và tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1		
2		

3. Hướng dẫn:

- Cổ đông có quyền biểu quyết hết toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho ứng viên có tên trong danh sách. Phần phiếu bầu còn lại (nếu có) có thể không bầu cho bất cứ ứng viên nào. Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên cộng lại không quá tổng số phiếu bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.

- Số lượng phiếu bầu của mỗi ứng viên có thể khác nhau tùy thuộc vào mức độ tín nhiệm của cổ đông đối với ứng viên đó./.

4. Xác định tính hợp lệ của Phiếu bầu cử:

Phiếu bầu cử hợp lệ phải thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Phiếu do Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (theo mẫu do Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không quy định và có đóng dấu treo của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không).

- Phiếu **không được** tẩy xóa, cạo sửa tên của ứng viên;

- Các thông tin trên Phiếu **không được** ghi bằng bút chì;

- Phiếu **không** ghi thêm tên ứng viên nằm ngoài Danh sách ứng viên đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên **không** vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông hoặc người đại diện đó nắm giữ;

- Phiếu có chữ ký và ghi họ tên cổ đông vào phiếu bầu.

Cổ đông/Người nhận ủy quyền

(ký và ghi rõ họ tên)

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 12/TTr-BHHK-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH

**v/v miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT) và đề nghị bầu thay thế
thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không ngày 25/4/2024;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không ngày 25/4/2024;

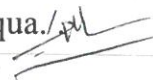
Xét Đơn xin từ nhiệm của bà Lê Thị Hà Thanh.

Hiện nay, Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không nhiệm kỳ 2023 – 2028 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua là 04 người bao gồm: Ông Lê Tuấn Dũng, Bà Lê Thị Hà Thanh, Ông Nghiêm Xuân Thái và Ông Kim Jong Uk.

Ngày 18/6/2024, Tổng Công ty đã nhận được Đơn xin từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không của bà Lê Thị Hà Thanh. Căn cứ vào tình hình thực tế và nhu cầu quản trị của Tổng Công ty trong thời gian tới, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

- Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không nhiệm kỳ 2023 - 2028 đối với của bà Lê Thị Hà Thanh kể từ ngày 06/9/2024.

- Thông qua việc bầu bổ sung thêm 01 thành viên HĐQT thay thế cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023 – 2028.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua. / 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: văn thư, TKPC.



Lê Tuấn Dũng

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10 /TTr-BHHK

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công Ty cổ phần Bảo hiểm hàng không

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2021;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2021;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành Tổng công ty.

Để đảm bảo Điều lệ của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không phù hợp với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và các yêu cầu quản trị điều hành Tổng công ty, Tổng giám đốc kính trình Hội đồng quản trị thông qua Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không, sửa đổi bổ sung lần thứ 11 (Chi tiết Bảng tổng hợp các nội dung chính đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TKPC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Tuấn Dũng



BẢNG TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG CHÍNH ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VNI

(Đính kèm tờ trình số 10/TTr-BHKK của HĐQT ngày 15/8/2024)

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	CHƯƠNG I. CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: e. "Người quản lý doanh nghiệp" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: i) "Người quản lý doanh nghiệp" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; Giám đốc Công ty thành viên, Giám đốc Sở Giao dịch, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc Ban hoặc Người phụ trách các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ.	Bổ sung Người quản lý doanh nghiệp để phù hợp với tình hình thực tiễn tại công ty.
o. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	c) "Vốn có quyền biểu quyết" là phần vốn góp hoặc cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	Sửa lại phù hợp với quy định của Khoản 33 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020
f. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc j. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Tổng Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại		Không đề cập nhiều trong các nội dung phía sau nên không định nghĩa chung



Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
hội đồng cổ đông của Tổng Công ty thông qua bằng nghị quyết;		
CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CÔNG TY THÀNH VIÊN, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY	CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ CHÍNH, CÔNG TY THÀNH VIÊN, SỞ GIAO DỊCH, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY	

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY		
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty	Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty 1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty là: a11. Bảo hiểm nông nghiệp; a12. Bảo hiểm bảo lãnh; a13. Các loại hình bảo hiểm khác theo Giấy phép thành lập và hoạt động và/hoặc Giấy phép điều chỉnh.	Bổ sung: một số loại hình bảo hiểm và thêm các trường hợp khác phù hợp với Giấy phép
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng Công ty 2. Tổng Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh, đầu tư vào các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.	Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng Công ty 2. Tổng Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh, đầu tư vào các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.	Thay “Hội đồng quản trị phê chuẩn” bằng “Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn”. Do thẩm quyền này thuộc về Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP		

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng Công ty hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p>	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p>	<p>Bỏ trường hợp “Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng Công ty”</p>
<p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng Công ty.</p>	<p>4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. c) Thanh toán mọi chi phí liên quan từ việc cấp lại cổ phiếu mới cho Tổng công ty. 	<p>Sửa lại phù hợp hơn và có tham khảo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo mức lãi suất hiện hành của Ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản phong tỏa, nhưng không quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p>	<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p>	<p>Điều chỉnh lại nội dung về nghĩa vụ tài chính theo Điều lệ mẫu được quy định trong Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.</p>	<p>6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.</p>	<p>Bổ sung thời gian thông báo thu hồi chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc</p>
<p>CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p>		

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>c) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;</p>	<p>- Bỏ điểm (f) liên quan đến quyền của cổ đông</p> <p>- Bỏ điểm (c) cũ và thay thế bằng điểm (c) mới về quyền của cổ đông nắm giữ từ 5% phù hợp với quy định của Luật DN</p>
<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p>	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <p>2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định pháp luật doanh nghiệp</p>

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
	5. Bảo mật các thông tin được Tổng Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.	Bảo vệ quyền của Tổng Công ty
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.		Bỏ

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng Công ty.</p>	Thêm quy định phù hợp với Luật Doanh nghiệp
<p>2...Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Tổng Công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p>	<p>2....Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty.</p>	Điều chỉnh lại phù hợp với Luật Doanh nghiệp, theo đó thay vì có thể mời thi Luật quy định phải mời, và các tổ chức năng có trách nhiệm tham gia dự họp.
<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p>	Sắp xếp lại phù hợp theo quy định của Luật Doanh nghiệp
	<p>a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng Công ty;</p>	Thêm phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp
<p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông</p>	<p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;</p>	Sửa đổi phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p>		
<p>l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;</p>	<p>d) Quyết định đầu tư, bán số tài sản và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;</p>	<p>Có những trường hợp không phải đầu tư, bán tài sản và cũng không phải giao dịch với các đối tượng được quy định. Nếu tiếp tục quy định như Điều lệ cũ thì sẽ chưa xác định được thẩm quyền quyết định thuộc về ai. Trong khi đó, HĐQT thì có quyền hạn trong tất cả khoản từ 10% đến dưới 35%. Vì vậy, đề xuất sửa đổi đối với tất cả các hợp đồng, giao dịch cứ có giá trị từ 35% trở lên thì đều thuộc quyền hạn của ĐHĐCĐ. Vì thế, bỏ điểm n và điều chỉnh điểm d</p>
<p>n. Tổng Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất</p>		
<p>m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;</p>	<p>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp</p>
<p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p>	<p>k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp</p>
	<p>l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p>	<p>Thêm để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp</p>

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
d. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập;	m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;	Sửa đổi phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp
c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị; i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng Công ty; p. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.		Sửa đổi phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, một số nội dung điều này được chuyển xuống quyền “thảo luận và thông qua” ở Khoản 2 chứ không đề cập trong “quyền và nghĩa vụ” tại Khoản 1
1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau: b. Báo cáo của Hội đồng quản trị; c. Báo cáo của Ban kiểm soát; d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty.	2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau: a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty; c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;	- Sửa đổi phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp - Lưu ý điểm p sửa đổi như cách giải thích tại Khoản 1

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
	<p>đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty;</p> <p>m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng Công ty;</p> <p>o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;</p>	

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
	<p>p) Quyết định đầu tư, bán số tài sản và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;</p> <p>q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>Điều 16. Đại diện theo ủy quyền</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>.....</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng Công ty).</p>	<p>Điều 16. Đại diện theo ủy quyền</p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền:</p> <p>a)...</p> <p>b)....</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).</p>	<p>- Bỏ điểm c do đã đề cập là thực hiện theo quy định của pháp luật của dân sự, nên nếu thuộc các trường hợp khác thì sẽ tự động được áp dụng theo quy định pháp luật</p> <p>- Thêm 1 số nội dung cụ thể về yêu cầu giấy ủy quyền, không cần làm theo mẫu để cổ đông chủ động trong việc ủy quyền (tham khảo Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC).</p> <p>- Bỏ khoản 3 do đã thuộc một trong số các trường hợp nằm ở đoạn cuối khoản 2 “Trường hợp ủy quyền lại thì...”. Đoạn thay thế này quy định được bao quát nhiều trường hợp hơn.</p>

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (5) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p>	<p>Điều chỉnh lại phù hợp với quy định pháp luật doanh nghiệp.</p>
	<p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	<p>Bổ sung thêm để phù hợp với quy định pháp luật</p>
<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều chỉnh lại toàn bộ theo quy định của pháp luật, ý nghĩa vẫn vậy nhưng cách sắp xếp diễn đạt khác</p>

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến</p>	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến</p>	<p>Điều chỉnh lại ngày, để tiết kiệm thời gian lấy ý kiến, giúp giải quyết kịp thời công việc đặt ra.</p>
<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.</p>	<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	<p>Bỏ một phần nội dung tại điểm g về cần phải có chữ ký của “người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty” trong phiếu lấy ý kiến theo quy định của Luật Doanh nghiệp</p>

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p>	<p>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p>	<p>Bổ sung để đảm bảo tính hiệu lực của biên bản họp, đã tham khảo điều lệ mẫu theo thông tư 116/2020/NĐ-CP</p>
<p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi biên bản cho các cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang điện tử của Tổng Công ty. Trong trường hợp này, cổ đông coi như đã nhận được Biên bản, Nghị quyết đó kể từ ngày Biên bản, Nghị quyết được công bố trên trang điện tử của Tổng Công ty.</p>	<p>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.</p>	<p>Quy định lại cho ngắn gọn nhưng hàm ý nội dung chính về việc công bố tài liệu vẫn không đổi, đã tham khảo điều lệ mẫu theo thông tư 116/2020/NĐ-CP</p>

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p>		
<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>- Quyền yêu cầu hủy bỏ nghị quyết không còn đặt ra với Thành viên hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Tổng giám đốc</p> <p>- Quy định cũ cho phép yêu cầu hủy bỏ cả quyết định nhưng Điều lệ mới cho phép yêu cầu được hủy bỏ một phần hoặc cả nghị quyết</p>
<p>CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>		

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.</p>	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, khoản 1 Điều 81 Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.</p>	<p>Bổ sung vì đây là điều kiện bắt buộc</p>
<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc</p>	<p>Bổ sung để phòng trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông muộn. Tham khảo từ Điều lệ mẫu ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p>	<p>3. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p>	<p>- Điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2024</p> <p>- Bổ c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p>

<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định cụ thể quyền, nghĩa vụ của từng Người đại diện theo pháp luật theo từng thời kỳ phù hợp với Điều lệ, quy định của pháp luật và hoạt động thực tế của Tổng Công ty.</p> <p>b. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty;</p> <p>c. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Bổ nhiệm và miễn nhiệm; khen thưởng,</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty;</p> <p>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng Công ty;</p> <p>đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp 2020;</p> <p>e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư hoặc bán tài sản trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p>	<p>- Sửa toàn bộ điều 27 phù hợp với quy định mới của Luật Doanh nghiệp 2020</p> <p>- Đặc biệt lưu ý VNI bổ sung thêm điểm l)...Quyết định chuyển địa điểm đặt Trụ sở chính</p> <p>- Sửa đổi điểm h:</p> <p>+ Sửa “trên” thành “từ”, móc tròn để xác định</p> <p>+ Sửa báo cáo tài chính đã được kiểm toán thành báo cáo tài chính do Luật Doanh nghiệp quy định</p> <p>+ Bổ sung trừ trường hợp khác do Luật Doanh nghiệp yêu cầu</p>
---	---	--

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>kỷ luật; quyết định mức lương và các quyền lợi khác đối với các chức danh: Tổng giám đốc; Phó tổng giám đốc; Kế toán trưởng Tổng Công ty; Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty thành viên; Giám đốc, Phó Giám đốc Ban (hoặc chức danh tương đương), cử người đại diện quản lý phần vốn góp của Tổng Công ty ra ngoài doanh nghiệp và các chức danh quan trọng khác trong Tổng Công ty trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc.</p> <p>f. Thông qua chủ trương đề Tổng giám đốc quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với chức danh Trưởng phòng và các chức danh tương đương;</p> <p>g. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;</p> <p>h. Giải quyết các khiếu nại của Tổng Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</p> <p>i. Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty, việc thành lập Tổng Công ty con, lập Công ty</p>	<p>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty trừ trường hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và các chức danh Người quản lý khác do Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty;</p> <p>l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý</p>	

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>thành viên, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>j. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Tổng Công ty;</p> <p>k. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>l. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>m. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị trên 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty đã được kiểm toán;</p> <p>n. Quyết định Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty của Tổng Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;</p> <p>o. Công bố danh mục và ban hành các Quy chế nội bộ của Tổng Công ty;</p> <p>p. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>q. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định</p>	<p>nội bộ của Tổng Công ty, Quyết định chuyên địa điểm đặt Trụ sở chính, quyết định thành lập công ty con; Công ty thành viên, Sở Giao dịch, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>n) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty; yêu cầu phá sản Tổng Công ty;</p> <p>q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Tổng Công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Hội đồng quản trị quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.</p> <p>4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội</p>	

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>thời hạn và thủ tục trả cổ tức;</p> <p>r. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;</p> <p>s. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</p> <p>t. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p> <p>u. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Tổng Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>v. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc tại kỳ Đại hội đồng cổ đông gần nhất;</p> <p>w. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.</p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập các Công ty thành viên hoặc văn phòng đại diện của Tổng Công ty;</p> <p>b. Thành lập các Công ty con của Tổng Công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định</p>	<p>đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ này gây thiệt hại cho Tổng Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.</p>	

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Tổng Công ty;</p> <p>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng Công ty;</p> <p>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng Công ty;</p> <p>f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các Tổng Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá tài sản góp vào Tổng Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán</p>		

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>trong mười hai (12) tháng;</p> <p>j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Tổng Công ty;</p> <p>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng Công ty.</p>		

<p>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Tổng Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể làm việc chuyên trách tại Tổng Công ty.</p>	<p>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Tổng Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội</p>	<p>- Quy định cụ thể Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch hội đồng quản trị tại Khoản 2</p> <p>- Bổ sung khoản 4 tham khảo điều lệ mẫu Thông tư 116/202/TT-BTC</p> <p>- Điều chỉnh khoản 5 cho phù hợp, bổ sung thêm trường hợp khi Chủ tịch vắng mặt/không thực hiện được nhiệm vụ.</p> <p>- Bỏ khoản 5</p>
---	--	--

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
	<p>đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành trong thời hạn mười (10) ngày cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.</p>	<p>Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Căn cứ vào tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị từng thời kỳ, Hội đồng quản trị sẽ quyết định thành lập bộ máy giúp việc, các tiểu ban hoặc tương đương. Tổ chức và nhiệm vụ của bộ máy giúp việc, các tiểu ban hoặc tương đương do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị hoặc của bộ máy giúp việc, các tiểu ban hoặc tương đương trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổng Công ty.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh “tiểu ban” thành “bộ máy giúp việc, các tiểu ban hoặc tương đương” để linh hoạt hơn trong việc đặt tên. - Không quy định cụ thể số lượng và cơ cấu thành viên vì từng tính chất của bộ phận mà sẽ cần các yêu cầu khác nhau. Trao quyền quyết định toàn bộ cho Hội đồng quản trị. - Khoản 2 bỏ “hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị” vì không còn phù hợp.

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty</p>	<p>Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty</p> <p>4. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p>	<p>Bổ sung (h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p>
<p>Chương VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ</p>	<p>CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC</p>	
<p>Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>1. Tổng Công ty có Tổng giám đốc, một số Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>1. Tổng Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng Công ty do Hội đồng quản trị quy định và phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.</p>	<p>Sửa khoản 2 thêm “tuyển dụng và “Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng Công ty do Hội đồng quản trị quy định và phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.</p>

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp</p> <p>1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm đảm bảo để hỗ trợ Tổng Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.</p>		<p>Đã có ở điều 34 phía dưới bởi Tổng giám đốc chính là người điều hành. Điều lệ sửa ở trên chỉ quy định còn Tổng giám đốc là người điều hành duy nhất nên không cần quy định riêng 1 điều về người điều hành.</p>

<p>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.</p> <p>3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p>	<p>Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc; Tổng Giám đốc được trả lương, thưởng và các lợi ích khác do Hội đồng quản trị quyết định, được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá ba (03) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.</p> <p>3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p>	<p>Sửa khoản 1,2 và 3 quy định cụ thể nhiệm vụ quyền hạn của Tổng giám đốc</p>
---	--	--

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>b) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có Nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Tổng Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Tổng Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c) Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Tổng Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;</p> <p>d) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>e) Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 5 (năm) năm.</p>	<p>b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng Công ty;</p> <p>d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty;</p> <p>đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;</p> <p>g) Tuyển dụng lao động;</p> <p>h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>f) Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;</p> <p>g) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng Công ty;</p> <p>h) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng Công ty;</p> <p>i) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Tổng Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng thuê Tổng giám đốc và các quy định của pháp luật.</p>		

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT		
<p>Điều 37. Kiểm soát viên</p> <p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Tổng Công ty có từ ba (03) đến năm (05) người. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Tổng Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p>	<p>Điều 36. Kiểm soát viên</p> <p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Tổng Công ty có từ ba (03) đến năm (05) người. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành bảo hiểm và phải làm việc chuyên trách tại Tổng Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p>	<p>- Bổ sung: "Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam</p> <p>- Khoản 3 quy định rõ tiêu chuẩn của Trưởng ban Kiểm soát</p>

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>Điều 37. Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty;</p>	<p>Điều 37. Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn danh sách tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty;</p>	<p>Đề cập cụ thể là “Danh sách”</p>
	<p>đ) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p>	<p>Bổ sung theo Điều lệ mẫu</p>
<p>CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</p>	<p>Bỏ</p>	<p>Quy định này không nên được đề cập trong Điều lệ</p>

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>Điều 43. Công nhân viên và công đoàn</p> <p>1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.</p> <p>2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>	<p>Bỏ</p>	
<p>CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</p>	<p>CHƯƠNG XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</p>	<p>Bỏ “quỹ dự trữ”</p>

Điều 46. Ký quỹ, Quỹ dự phòng nghiệp vụ, Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ

1. Ký quỹ

Tổng Công ty sử dụng 2% vốn pháp định để ký quỹ tại một tài khoản phong tỏa của Ngân hàng thương mại. Khoản tiền ký quỹ này được Tổng Công ty sử dụng theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ dự phòng nghiệp vụ

Tổng Công ty trích lập các quỹ dự phòng nghiệp vụ từ phí bảo hiểm của từng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định của Bộ Tài chính như sau:

a) Quỹ đề phòng hạn chế tổn thất: Sử dụng vào việc tuyên truyền, giáo dục về đề phòng tai nạn; nghiên cứu và áp dụng các biện pháp nhằm đề phòng ngăn chặn và hạn chế tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm.

b) Dự phòng phí chưa được hưởng: Sử dụng để bồi thường cho trách nhiệm phát sinh trong thời gian còn hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm trong năm tiếp theo.

c) Dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết: Sử dụng để bồi thường cho những tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại hoặc đã khiếu nại nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết phải chuyển sang

Bỏ

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>năm tiếp theo.</p> <p>d) Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất: Sử dụng để bồi thường khi có dao động lớn về tổn thất hoặc tổn thất lớn xảy ra mà tổng phí bảo hiểm giữ lại trong năm tài chính sau khi đã trích lập dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết không đủ để chi trả tiền bồi thường đối với phần trách nhiệm giữ lại của Tổng Công ty.</p> <p>3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ</p> <p>Hàng năm, Tổng Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn Điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn Điều lệ của Tổng Công ty.</p>		

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY	CHƯƠNG XV. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY	
Điều 51. Kiểm toán 2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Điều 48. Kiểm toán 2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị muộn nhất trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Điều chỉnh lại thời gian
CHƯƠNG XVII. CON DẤU	CHƯƠNG XVI. CON DẤU	
Điều 49. Con dấu	Điều 49. Con dấu 2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng Công ty, Sở giao dịch, Công ty thành viên, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổng Công ty (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật về con dấu.	Bổ sung quy định, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình hoạt động sau này

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
<p>Điều 55. Thanh lý</p> <p>1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Tổng Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng Công ty.</p>	<p>Điều 51. Thanh lý</p> <p>1. Sau khi có quyết định giải thể Tổng Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng Công ty.</p>	<p>Bỏ thời gian: Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng Công ty hoặc</p>
<p>Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà GELEXIMCO, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội</p>	<p>Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, Cầu Giấy, Hà Nội</p>	<p>Thay đổi trụ sở công ty ở trang bìa và Điều 2</p>
<p>Người điều hành</p>	<p>Người quản lý</p>	<p>Thay đổi để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020. Theo đó, Người điều hành chỉ là Tổng Giám đốc.</p>

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
Quyết định	Nghị quyết	Sửa đổi để thống nhất vì Điều lệ cũ có chỗ thì đề cập là quyết định có chỗ thì đề cập là nghị quyết.
Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	Bỏ	Bỏ Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (VNI không tổ chức theo mô hình có thành viên độc lập hội đồng quản trị). Do đó những điều có đề cập tới thành viên độc lập hội đồng quản trị đều bỏ.
Thời gian gia hạn	Bỏ	Thời gian hoạt động của VNI là vô hạn thì không có gia hạn. Do đó, những điều liên quan tới gia hạn hoạt động đều bị lược bỏ.

Số: 11 /TTr-BHHK

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH

*V/v sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT
Tổng Công Ty cổ phần Bảo hiểm hàng không*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2021;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2021;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán

- Căn cứ yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành Tổng Công ty.

Để đảm bảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không phù hợp với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và các yêu cầu quản trị Tổng công ty, Hội đồng quản trị kính trình Hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT, sửa đổi bổ sung (Chi tiết Bảng tổng hợp các nội dung chính đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt. /pl

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TKPC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Tuấn Dũng



BẢNG TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG CHÍNH ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

(Đính kèm tờ trình số 11/TTr-BHKK của HĐQT ngày 15/8/2024)

Quy chế hoạt động cũ	Quy chế hoạt động dự thảo	Lý do sửa đổi
CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG		
Điều 1. Mục đích, phạm vi điều chỉnh và nguyên tắc hoạt động 2. Mọi hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT, Ban TGD (gồm TGD và các Phó TGD) và lãnh đạo các phòng ban, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty (bộ máy giúp việc của TGD) phải tuân thủ các quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế này và các quy định khác có liên quan của Pháp Luật. 3. Các thuật ngữ áp dụng trong Quy chế này có nghĩa như trong Điều lệ Tổng Công ty và/hoặc trong Luật Doanh nghiệp.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	- Bỏ khoản 2 vì các quy định này không bao hàm các hoạt động khác - Khoản 3 về thuật ngữ được đưa thành điều 2
	Điều 2. Thuật ngữ 1. Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách là thành viên Hội đồng quản trị làm việc toàn thời gian và duy nhất tại Tổng Công ty theo sự phân công của Hội đồng quản trị.	Bổ sung quy định về khái niệm thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách



Quy chế hoạt động cũ	Quy chế hoạt động dự thảo	Lý do sửa đổi
<p>Điều 3. Nguyên tắc làm việc của HĐQT</p> <p>HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, các thành viên HĐQT cùng chịu trách nhiệm trước ĐHDCĐ và pháp luật về Nghị quyết, Quyết định của HĐQT liên quan đến công tác quản lý của Tổng Công ty (trừ thành viên HĐQT không biểu quyết hoặc phản đối). Thành viên không biểu quyết hoặc phản đối vẫn phải tuân thủ Nghị quyết của HĐQT (chỉ được ghi ý kiến bảo lưu).</p>	<p>Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị tôn trọng quyền kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát và có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện.</p> <p>4. Việc sử dụng các Ban chức năng và/hoặc các chuyên viên tại Trụ sở chính để giúp Hội đồng quản trị xem xét, cho ý kiến tư vấn, đánh giá về các vấn đề có liên quan phải được dựa trên quy chế làm việc, quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.</p>	<p>- Điều này xác định nguyên tắc hoạt động của hội đồng quản trị chứ không phải nguyên tắc làm việc;</p> <p>- Bổ sung khoản 3, 4 trên cơ sở chuyển một số nội dung từ Điều 9 Chế độ làm việc, bởi nguyên tắc sẽ có tính bắt buộc cao hơn và xuyên suốt trong tất cả các quy định, hoạt động. Nội dung khoản 3 được sửa đổi, bỏ nội dung về “không can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành của Tổng giám đốc”.</p>
<p>CHƯƠNG II. CƠ CẤU, TỔ CHỨC, QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, CHỦ TỊCH HĐQT, THÀNH VIÊN HĐQT</p>	<p>CHƯƠNG II. CHỨC NĂNG, TỔ CHỨC, QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, CHỦ TỊCH HĐQT, CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	
<p>Điều 4. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn thành viên HĐQT</p> <p>Điều 5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung mới thành viên HĐQT</p> <p>Điều 6. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT</p> <p>Điều 7. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT</p>	<p>Điều 5. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Điều 6. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	<p>Bổ sung để đảm bảo kết cấu quy chế phù hợp, do nội dung tương tự như Điều lệ nên không đề cập lại tại bảng so sánh</p>

<p>Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên HĐQT</p> <p>1. Thành viên HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và các văn bản pháp luật liên quan.</p> <p>2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Tổng Công ty</p> <p>3. Thành viên HĐQT có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.</p> <p>4. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và của HĐQT.</p> <p>5. Thành viên HĐQT được phân công theo dõi một số lĩnh vực, công việc cụ thể theo sự phân công của HĐQT và có trách nhiệm báo cáo HĐQT về kết quả thực hiện;</p> <p>6. Thành viên HĐQT có quyền tham dự bất kỳ các phiên họp nào do TGD, Phó TGD chủ trì, miễn là không làm cản trở công việc điều hành của Ban TGD.</p> <p>7. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu TGD và bộ máy giúp việc của TGD cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và các đơn vị trong Tổng Công ty. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do</p>		<p>Không đề cập do nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên hội đồng quản trị do đã tương ứng với nhiệm vụ quyền hạn của hội đồng quản trị đã được quy định</p>
--	--	---

Quy chế hoạt động cũ	Quy chế hoạt động dự thảo	Lý do sửa đổi
Điều lệ Tổng Công ty quy định.		
CHƯƠNG III CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		Đã gộp chương với Chương II

<p>Điều 9. Chế độ làm việc của HĐQT</p> <p>1. Tất cả các quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT đều phải lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các thành viên HĐQT (có thể dưới hình thức biểu quyết trực tiếp tại phiên họp HĐQT hoặc biểu quyết dưới hình thức khác do Điều lệ Tổng Công ty quy định).</p> <p>2. Cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên trở lên có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.</p> <p>3. Thành viên không tán thành có quyền bảo lưu ý kiến của mình trong Biên bản họp HĐQT hoặc trên phiếu lấy ý kiến, nhưng phải nghiêm chỉnh chấp hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT sau khi HĐQT đã thông qua.</p> <p>4. TGD Tổng Công ty tổ chức triển khai Nghị quyết, quyết định và các văn bản có liên quan của HĐQT, trong khi triển khai nếu phát hiện những vấn đề vướng mắc thì TGD và các cá nhân có liên quan phải kịp thời báo cáo HĐQT để giải quyết.</p> <p>5. Thành viên HĐQT chuyên trách làm việc trên cơ sở tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty; không can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành của TGD; tôn trọng quyền kiểm tra, giám sát của BKS. Thành viên HĐQT chuyên trách và TGD phải phối hợp hoạt động theo</p>	<p>Điều 8. Chế độ làm việc của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chế độ làm việc của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện kết hợp giữa quyền hạn, trách nhiệm của tập thể Hội đồng quản trị với quyền hạn, trách nhiệm cá nhân từng thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Trong trường hợp số phiếu biểu quyết đồng ý/không đồng ý của các thành viên Hội đồng quản trị ngang nhau thì phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị có giá trị quyết định.</p> <p>3. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2)</p>	<p>- Bổ sung Khoản 1, 2 trong Quy chế mới về chế độ làm việc</p> <p>- Khoản 3 quy chế cũ sửa đổi lại tương ứng với Khoản 8 Điều 30 của Điều lệ</p> <p>- Khoản 4 quy chế cũ bỏ vì đây không phải quy chế làm việc mà là nội dung quy định cụ thể triển khai nghị quyết</p> <p>- Bỏ 5, 6, 7 vì không phải thuộc quy chế hoạt động của hội đồng quản trị (đã chuyển điều chỉnh thành nguyên tắc ở Điều 3)</p>
---	---	--

Quy chế hoạt động cũ	Quy chế hoạt động dự thảo	Lý do sửa đổi
<p>tinh thần đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và điều hành; đảm bảo đoàn kết nội bộ, tăng cường hỗ trợ nhau trong lãnh đạo.</p> <p>6. Đối với giải quyết các công việc có liên quan đến HĐQT hoặc phải trình HĐQT quyết định thì TGD có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch HĐQT biết để tham dự hoặc cử thành viên HĐQT chuyên trách khác tham dự với tư cách HĐQT nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>7. Thành viên HĐQT chuyên trách có quyền sử dụng các Ban chức năng và/hoặc các chuyên viên tại Hội sở chính để giúp HĐQT xem xét, cho ý kiến tư vấn, đánh giá về các vấn đề có liên quan.</p>	<p>số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>4. Tất cả các quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị đều phải lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị (có thể dưới hình thức biểu quyết trực tiếp tại phiên họp Hội đồng quản trị hoặc biểu quyết dưới hình thức khác do Điều lệ Tổng Công ty quy định).</p> <p>5. Thành viên không tán thành có quyền bảo lưu ý kiến của mình trong Biên bản họp Hội đồng quản trị hoặc trên phiếu lấy ý kiến, nhưng phải nghiêm chỉnh chấp hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sau khi Hội đồng quản trị đã thông qua.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được phân công chuyên trách có trách nhiệm nghiên cứu các nội dung có liên quan đã được Tổng Giám đốc trình lên hoặc báo cáo, đề xuất ý kiến hoặc biện pháp giải quyết để hội đồng quản trị xem xét, quyết nghị.</p>	

<p>Điều 10. Các cuộc họp của HĐQT</p> <p>1. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.</p> <p>2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 05 (năm) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.</p> <p>3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp HĐQT, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) TGD hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác; b) Ít nhất 02 (hai) thành viên HĐQT; c) Chủ tịch HĐQT d) BKS; <p>4. Các cuộc họp HĐQT nêu tại Khoản 3 Điều này được tiến</p>	<p>Điều 9. Cuộc họp, biểu quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>1. Cuộc họp, biểu quyết Hội đồng quản trị được tiến hành theo quy định tại Điều 30 và các quy định có liên quan tại Điều lệ Tổng Công ty.</p> <p>2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi thành biên bản. Biên bản cuộc họp được lập bằng tiếng Việt, có thể lập song song bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực pháp lý như nhau. Biên bản có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>.....</p>	<p>- Bỏ nội dung điều 10, điều 12 điều chỉnh lại để phù hợp với Điều lệ</p> <p>- Điều 11 Quy chế cũ ghép với Điều 10 để tạo ra Điều 9 Quy chế mới, nội dung Điều 11 được đưa vào quy chế mới tương tự.</p>
---	---	--

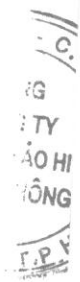
Quy chế hoạt động cũ	Quy chế hoạt động dự thảo	Lý do sửa đổi
<p>hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng Công ty.</p> <p>6. Các cuộc họp HĐQT được tiến hành tại trụ sở chính của Tổng Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.</p> <p>7. Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, Email hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo</p>		

Quy chế hoạt động cũ	Quy chế hoạt động dự thảo	Lý do sửa đổi
<p>đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Tổng Công ty.</p> <p>8. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên BKS và TGD như đối với thành viên HĐQT.</p> <p>9. Thành viên BKS, TGD không phải là thành viên HĐQT, có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>		
<p>Điều 11. Biên bản họp HĐQT Điều 13. Biểu quyết</p>		
<p>Điều 14. Nghị quyết của HĐQT</p> <p>2. Một số vấn đề trọng yếu, HĐQT thông qua khi có từ 2/3 (hai phần ba) thành viên HĐQT trở lên bỏ phiếu tán thành gồm:</p> <p>h) Thông qua để trình ĐHDCĐ việc đầu tư, mua sắm hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;</p>	<p>Điều 10. Nghị quyết của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Một số vấn đề trọng yếu, Hội đồng quản trị thông qua khi có từ 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị trở lên bỏ phiếu tán thành gồm:</p> <p>h) Thông qua để trình Đại hội đồng cổ đông việc đầu tư, bán tài sản và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này;</p>	<p>Tất cả các hợp đồng, giao dịch giá trị từ 35% trở lên là rất lớn và thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Do đó, cần bổ sung thêm hợp đồng, giao dịch khác.</p> <p>Bổ sung thêm quy định về trừ trường hợp được quy định tại Khoản 3 Điều này. Tại khoản 3 quy định về các trường hợp phải được sự nhất trí của toàn bộ Hội đồng quản trị</p>
<p>Điều 12. Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản</p> <p>1. Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản, thư điện tử (Email). Thời hạn chậm nhất để trả</p>	<p>Điều 11. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 10 của Quy chế này và các trường hợp</p>	<p>- Loại trừ những trường hợp quan trọng cần có sự đồng ý của 2/3 thành viên hội đồng quản trị được quy định tại</p>

Quy chế hoạt động cũ	Quy chế hoạt động dự thảo	Lý do sửa đổi
<p>lời Phiếu lấy ý kiến là 03 ngày, trong trường hợp cấp bách có thể lấy lý kiến và trả lời ý kiến trong vòng 24 giờ. Sau 02 ngày kể từ thời hạn trả lời ý kiến, thành viên không cho ý kiến trả lời được coi là đồng ý với nội dung lấy ý kiến.</p> <p>2. Ban Thư ký Pháp chế và Kiểm soát nội bộ (TKPC và KSNB) chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi tới từng thành viên HĐQT</p> <p>5. Kết quả lấy ý kiến thành viên HĐQT phải được Ban TKPC và KSNB lập thành Biên bản tổng hợp ý kiến HĐQT và dự thảo Nghị quyết, quyết định của HĐQT</p>	<p>khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, thư điện tử (Email). Thời hạn chậm nhất để trả lời Phiếu lấy ý kiến là ba (03) ngày, trong trường hợp cấp bách có thể lấy lý kiến và trả lời ý kiến trong vòng hai mươi tư (24) giờ. Sau hai (02) ngày kể từ thời hạn trả lời ý kiến, thành viên không cho ý kiến trả lời được coi là đồng ý với nội dung lấy ý kiến.</p> <p>2. Bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi tới từng thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Kết quả lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị phải được Bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị lập thành Biên bản tổng hợp ý kiến Hội đồng quản trị và dự thảo Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Khoản 2 Điều 10 của Quy chế và các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ và pháp luật bắt buộc phải tổ chức họp.</p> <p>- Sửa bộ máy giúp việc trong Khoản 2 và Khoản 5 Để phù hợp với cơ cấu tổ chức sau này</p>

Quy chế hoạt động cũ	Quy chế hoạt động dự thảo	Lý do sửa đổi
<p>Điều 17. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên HĐQT</p> <p>Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 16 Quy chế này, thành viên HĐQT (kể cả thành viên BKS, TGD điều hành) có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:</p>	<p>Điều 13. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 12 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:</p>	<p>Quy định về hội đồng quản trị nên không đề cập tới trách nhiệm báo cáo và thông tin của BKS, TGD điều hành; bởi vì trách nhiệm của BKS, TGD đã được đề cập trong Điều lệ</p>
<p>Điều 15. Thù lao HĐQT</p>		<p>Bỏ vì đã quy định trong điều lệ</p>
<p>CHƯƠNG IV BỘ MÁY GIÚP VIỆC CỦA HĐQT</p>	<p>CHƯƠNG III BỘ MÁY GIÚP VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	
<p>Điều 18. Các Ủy ban trực thuộc HĐQT</p> <p>HĐQT thành lập một số ủy ban để hỗ trợ hoạt động của HĐQT bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ủy ban Nghiệp vụ - Ủy ban Đầu tư - Ủy ban Nhân sự <p>Căn cứ vào tình hình thực tiễn của Tổng Công ty từng thời kỳ Hội đồng quản trị sẽ quyết định thành lập, kể cả thành lập thêm các Ủy ban khác và ban hành Quy chế hoạt động riêng biệt cho từng Ủy ban.</p>	<p>Điều 14. Bộ máy giúp việc trực thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>Căn cứ vào tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị từng thời kỳ, Hội đồng quản trị sẽ quyết định thành lập bộ máy giúp việc, các tiêu ban hoặc tương đương. Tổ chức và nhiệm vụ của bộ máy giúp việc, các tiêu ban hoặc tương đương do Hội đồng quản trị quyết định.</p>	<p>Quy định này mới bỏ buộc số lượng các tiêu ban hoặc tương đương giúp việc của hội đồng quản trị; tùy theo nhu cầu công việc Chủ tịch hội đồng quản trị/hội đồng quản trị có thể thành lập</p>
<p>Điều 19. Bộ máy giúp việc HĐQT</p>	<p>Bỏ</p>	<p>Đã quy định ở trên</p>
<p>CHƯƠNG V MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỚI BỘ MÁY GIÚP VIỆC CỦA HĐQT</p>	<p>CHƯƠNG IV MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Điều 15. Mối quan hệ</p>	<p>Gộp chương, điều chỉnh lại tên chương, thêm điều 15 cho đầy đủ mối quan hệ.</p>

Quy chế hoạt động cũ	Quy chế hoạt động dự thảo	Lý do sửa đổi
<p>CHƯƠNG VI MỐI QUAN HỆ GIỮA HĐQT VÀ BKS</p>	<p>giữa các thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.</p> <p>2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế này.</p> <p>3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.</p>	<p>Về bản chất, không có điểm gì mới chỉ đề cập lại để nhấn mạnh về mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị</p>
<p>CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p>	<p>CHƯƠNG V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p>	


 CÔNG TY CỔ PHẦN
 BẢO HIỂM NHÂN DÂN

Quy chế hoạt động cũ	Quy chế hoạt động dự thảo	Lý do sửa đổi
<p>Điều 23. Tổ chức thực hiện</p> <p>4. Các thành viên HĐQT, Ban TGD, lãnh đạo các phòng ban, đơn vị trực thuộc và cá nhân có liên quan của Tổng Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này. Trong quá trình triển khai, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh về HĐQT Tổng Công ty để giải quyết kịp thời.</p>	<p>Điều 19. Tổ chức thực hiện</p> <p>4. Các thành viên Hội đồng quản trị, các cá nhân có liên quan của Tổng Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này</p>	<p>Nội dung này là điều đương nhiên nên điều chỉnh lại để Quy chế ngắn gọn hơn</p>



Số: /2024/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NGÀY 06/9/2024 ĐẠI
HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (VNI) đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua ngày 25 tháng 04 năm 2024;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 06/9/2024 của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (Chi tiết theo Tờ trình số 10/TTr-BHKK-HĐQT ngày 15/8/2024).

Điều 2. Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (Chi tiết theo Tờ trình số 11/TTr-BHKK-HĐQT ngày 15/8//2024).

Điều 3. Thông qua Tờ trình miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (Chi tiết theo (Chi tiết theo Tờ trình số 12/TTr-BHKK-HĐQT ngày 15/8/2024).

Điều 4. Thông qua kết quả bầu cử và công nhận ông/bà... trúng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028.

Điều 5. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Cổ đông VNI;
- Như Điều 6;
- Lưu VT, Ban TKPC.

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA

Lê Tuấn Dũng